

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của
Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-BXD ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đổi tên Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn thành Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia tại Tờ trình số 223/TTr-VQHQG ngày 17 tháng 6 năm 2014 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Đảng ủy Bộ Xây dựng;
- Công đoàn cơ quan Bộ;
- Lưu: VP, TCCB (3b).

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Trịnh Đình Dũng

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-BXD
ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi và trụ sở

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia.**
2. Tên giao dịch tiếng Anh: **Vietnam Institute for Urban and Rural Planning - Ministry of Construction**
3. Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **VIUP**
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 Hoa Lư, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 999/QĐ-BXD ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
2. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia có tư cách pháp nhân, có con dấu để giao dịch, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quản lý tổ chức và hoạt động

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Tổ chức và hoạt động của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật

1. Viện trưởng là người đại diện theo pháp luật của Viện, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

2. Trong trường hợp cần thiết, các Phó Viện trưởng có thể được Viện trưởng ủy quyền là người đại diện theo pháp luật của Viện.

Điều 5. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

Tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội trong Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia thành lập và hoạt động theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Chức năng

Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia có chức năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ để phục vụ công tác quản lý nhà nước lĩnh vực quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thiết kế đô thị không gian kiến trúc cảnh quan (gọi tắt là quy hoạch xây dựng); tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hợp tác quốc tế và thông tin về khoa học công nghệ, thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Lập kế hoạch 05 năm, hàng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác của Viện, thực hiện các đề tài khoa học, dự án sự nghiệp kinh tế, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng.

2. Thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng được Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao hoặc cơ quan nhà nước đặt hàng, bao gồm:

2.1. Nghiên cứu, đề xuất về định hướng, chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia; cơ chế chính sách phát triển đô thị và nông thôn, phát triển hạ tầng kỹ thuật và môi trường;

2.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, nghiên cứu phương pháp luận, biên soạn, ứng dụng về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật ở trong nước và trên thế giới;

2.3. Nghiên cứu, đề xuất và tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực quy hoạch xây dựng;

2.4. Nghiên cứu, lập các đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch bảo tồn, quy hoạch lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đối với các quy hoạch vùng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các cửa khẩu biên giới quốc gia và quốc tế, các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù và quy hoạch đặc thù khác...;

2.5. Nghiên cứu, đề xuất việc lồng ghép các quy hoạch môi trường, trong các đồ án quy hoạch xây dựng.

3. Tổ chức nghiên cứu về quy hoạch xây dựng, bảo tồn di sản phát triển đô thị và nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, thiết kế đô thị, kiến trúc cảnh quan và biến đổi khí hậu.

4. Điều tra, khảo sát, thu thập, tổng hợp, quản lý lưu trữ và cung cấp thông tin, tư liệu trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng theo hệ thống quản lý thông tin địa lý(GIS).

5. Xuất bản Tạp chí Quy hoạch xây dựng, trang Website và các ấn phẩm thông tin khác trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng.

6. Tổ chức đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ chuyên ngành quy hoạch xây dựng; đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quy hoạch xây dựng và phục vụ cho việc cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng và quản lý quy hoạch đô thị.

7. Thực hiện hợp tác, liên danh, liên kết với các tổ chức trong nước và quốc tế về các lĩnh vực hoạt động của Viện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ kỹ thuật quy hoạch xây dựng, bao gồm:

8.1. Tư vấn lập: quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn mới; quy hoạch xây dựng các khu kinh tế, khu công nghệ cao; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thiết kế đô thị; quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch bảo tồn di sản; đề án phân loại và nâng cấp đô thị, các quy hoạch đặc thù;

8.2. Tư vấn đầu tư; tư vấn lập thiết kế và dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng; tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án, tư vấn thiết kế cảnh quan, thiết kế trang trí nội, ngoại thất công trình;

8.3. Tổ chức công tác khảo sát, đo đạc và bản đồ; quan trắc các tác động của môi trường đất, nước, không khí; lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường liên quan đến đồ án quy hoạch xây dựng, công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật.

9. Tổ chức thực hiện công tác tư vấn và dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc bao gồm: Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng; tư vấn đánh giá tác động môi trường liên quan đến công trình kiến trúc.

10. Quản lý thu thập thông tin dữ liệu quy hoạch xây dựng.

11. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác, công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Viện theo quy định của pháp luật và của Bộ Xây dựng.

12. Quản lý tài chính, tài sản được giao, quản lý các hoạt động, dịch vụ có thu của Viện theo quy định của pháp luật và của Bộ Xây dựng.

13. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao.

Chương III

TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, gồm:

1.1. Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng;

1.2. Các đơn vị chức năng: Có chức năng tham mưu, giúp Viện trưởng trong việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động của Viện;

1.3. Các Viện nghiên cứu chuyên ngành, Phân viện, các đơn vị nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo và các Trung tâm: Có chức năng giúp Viện trưởng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Viện;

1.4. Các đơn vị Thông tin, truyền thông: Tạp chí Quy hoạch xây dựng, Cung Triễn lãm Kiến trúc, Quy hoạch xây dựng quốc gia: có chức năng trao đổi, cung cấp thông tin về các hoạt động trong lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, Kiến trúc.

Các Viện chuyên ngành, Phân viện, Cung Triễn lãm Kiến trúc, Quy hoạch xây dựng quốc gia và một số Trung tâm trực thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia là các đơn vị sự nghiệp có thu, hạch toán phụ thuộc hoặc độc lập, được khắc con dấu theo mẫu quy định để giao dịch, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng theo sự uỷ quyền, phân cấp quản lý tài chính kế toán của Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia và các quy định của pháp luật.

2. Danh sách cụ thể các đơn vị trực thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia quy định tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

3. Việc thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định theo đề nghị của Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Điều 9. Viện trưởng

1. Viện trưởng là người đứng đầu Viện, lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của Viện theo chức năng, nhiệm vụ Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia; khi vắng mặt, Viện trưởng ủy quyền cho một Phó Viện trưởng điều hành các hoạt động của Viện và phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Xây dựng và trước pháp luật về việc ủy quyền của mình.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng:

2.1. Lập kế hoạch, xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc của Viện cho từng giai đoạn; chỉ đạo thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện do Bộ trưởng phê duyệt.

2.2. Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức, nhân sự; đào tạo và hợp tác quốc tế; khoa học công nghệ; quản lý tài chính, tài sản, vốn nhà nước giao; việc thực hiện các quy định về lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức của Viện.

2.3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng đơn vị trực thuộc, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ chung của Viện; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi đơn vị, cá nhân trong Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia.

2.4. Xây dựng các quy định, quy chế nội bộ của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Xây dựng, phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao.

2.5. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, bộ phận trực thuộc các đơn vị thuộc Viện.

2.6. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức các chức danh cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Viện theo quy định của Đảng, pháp luật và phân cấp của Bộ Xây dựng.

2.7. Ký các văn bản về chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của Viện được giao trình Bộ Xây dựng và các cơ quan tương đương, các văn bản theo phân cấp của lãnh đạo Bộ Xây dựng.

Điều 10. Phó Viện trưởng và Kế toán trưởng

1. Phó Viện trưởng:

Phó Viện trưởng là người giúp việc cho Viện trưởng, phụ trách và thực hiện một số công việc do Viện trưởng phân công, đồng thời chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách; được ký các văn bản, giấy tờ trong lĩnh vực được phân công phụ trách theo sự ủy quyền của Viện trưởng; khi Viện trưởng vắng mặt, một Phó viện trưởng được Viện trưởng uỷ quyền điều hành các hoạt động của Viện.

2. Kế toán trưởng:

Kế toán trưởng là người giúp Viện trưởng tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Viện theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Điều 11. Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Viện

1. Các phòng có Trưởng phòng và các Phó trưởng phòng; Các Viện nghiên cứu chuyên ngành, Phân viện, Trung tâm, Cung Triển lãm kiến trúc, quy hoạch xây dựng quốc gia có Giám đốc và các Phó giám đốc; Tạp chí Quy hoạch Xây dựng và Website có Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập.

2. Cấp trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và pháp luật về đơn vị mình phụ trách theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Cấp trưởng các đơn vị có trách nhiệm lập và đăng ký với Viện trưởng về nhiệm vụ và kế hoạch công tác hàng năm cho đơn vị mình; xây dựng đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc của đơn vị theo từng giai đoạn trình Viện trưởng phê duyệt; phân công nhiệm vụ cho các tổ chức trong đơn vị; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cá nhân; ban hành và chịu trách nhiệm các quy chế nội bộ của đơn vị.

4. Cấp phó các đơn vị chịu trách nhiệm trước Trưởng các đơn vị và pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công.

5. Cấp trưởng, cấp phó có trách nhiệm thực hiện các công việc khác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Viện trưởng.

Điều 12. Các Hội đồng tư vấn

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được tổ chức các Hội đồng tư vấn để tham mưu, giúp Viện trưởng trong một số mặt hoạt động như: Hội đồng khoa học kỹ thuật, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, nâng lương, nâng ngạch, thẩm định, nghiệm thu và một số hội đồng khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các đề án, dự án đặc thù thì Viện trưởng thành lập Hội đồng khoa học riêng với thành phần uỷ viên bao gồm các chuyên gia của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia hoặc chuyên gia trong nước và quốc tế.

3. Việc thành lập giải thể, ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của các Hội đồng do Viện trưởng quyết định theo các quy định hiện hành và phân cấp của Bộ Xây dựng.

Điều 13. Vị trí việc làm của Viện

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, yêu cầu công việc thực tế tại đơn vị, Viện trưởng có trách nhiệm tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm của Viện theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Xây dựng trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Căn cứ Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Viện trưởng thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong Viện theo thẩm quyền và phân cấp quản lý của Bộ.

3. Viện trưởng có trách nhiệm tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ của Viện và đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

Chương IV

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA

Điều 14. Công tác cán bộ, tiền lương và đào tạo bồi dưỡng cán bộ

1. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm:

1.1. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Viện thực hiện theo Quy chế của Bộ Xây dựng và các văn bản pháp luật hiện hành về phân cấp quản lý cán bộ;

1.2. Bộ trưởng quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với các chức danh: Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng, theo quy định của Đảng và pháp luật;

1.3. Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với các chức danh: Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Viện theo quy định của Đảng, pháp luật và theo phân cấp của Bộ Xây dựng.

2. Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, viên chức, lao động theo hợp đồng:

2.1. Chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của Viện thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Bộ luật Lao động, các văn bản hướng dẫn liên quan và các quy định của Bộ Xây dựng về phân công, phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ;

2.2. Viện trưởng quyết định việc tuyển dụng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng vào làm việc tại Viện theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt;

2.3. Viện trưởng quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc các Viện nghiên cứu chuyên ngành, Phân viện, Cung Triển lãm Kiến trúc, Quy hoạch xây dựng quốc gia, Trung tâm trực thuộc Viện quyết định việc tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng vào làm việc tại các đơn vị này theo kế hoạch và Đề án vị trí việc làm đã được Viện trưởng phê duyệt;

2.4. Viện trưởng quyết định phân công công tác đối với lãnh đạo Viện; quyết định việc điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giữa các đơn vị trực thuộc Viện.

3. Công tác tiền lương:

3.1. Việc quản lý quỹ tiền lương, kế hoạch chi trả lương đối với cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của Viện thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành của Nhà nước;

3.2. Việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của Viện thực hiện theo các quy định của Nhà nước và của Bộ Xây dựng. Bộ trưởng quyết định nâng bậc lương đối với Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và Kế toán trưởng; Viện trưởng quyết định nâng bậc lương đối với các chức danh còn lại.

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

4.1. Hàng năm, Viện lập kế hoạch cử cán bộ, viên chức tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý theo quy hoạch cán bộ và tiêu chuẩn chức danh quy định;

4.2. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước có liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, viên chức làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quy hoạch xây dựng và đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý quy hoạch đô thị;

4.3. Chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức của Viện thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ xây dựng và các Quy chế nội bộ của Viện.

5. Quyết định cử lãnh đạo, cán bộ, viên chức của Viện đi công tác nước ngoài:

5.1. Việc cử (hoặc cho phép) Viện trưởng, các Phó Viện trưởng đi nước ngoài học tập, công tác, giải quyết công việc riêng do Bộ trưởng quyết định;

5.2. Việc cử (hoặc cho phép) cán bộ, viên chức của Viện có chức danh từ Trưởng phòng, Giám đốc Viện nghiên cứu chuyên ngành, Phân viện và Trung tâm trở xuống đi nước ngoài học tập, công tác, giải quyết công việc riêng do Viện trưởng quyết định.

Điều 15. Công tác kế hoạch

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của Bộ Xây dựng về nội dung và thời gian báo cáo kế hoạch, Viện chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch hàng năm, trung hạn, dài hạn về các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng cơ bản, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và sản xuất, hợp tác trong nước và quốc tế trình và báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng làm cơ sở tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ kế hoạch hàng năm và nhiệm vụ đột xuất do Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao, Viện xây dựng chương trình công tác cụ thể, giao cho các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện. Đối với những công việc quan trọng, cần nhiều đơn vị tham gia hoặc phải hợp tác với các đơn vị bên ngoài, Viện xây dựng kế hoạch tổ chức phối hợp và cử cán bộ chủ trì thực hiện.

3. Ngoài thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do Bộ Xây dựng giao, Viện được chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động dịch vụ về: Khoa học công nghệ và đào tạo; thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc.

Điều 16. Hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc, theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Quy chế này.

2. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia khi thực hiện hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao có các quyền hạn sau:

2.1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực của Viện;

2.2. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế có liên quan phối hợp thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

2.3. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc;

2.4. Được ưu tiên lựa chọn làm đơn vị phổ biến, ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tế;

2.5. Được hưởng các chính sách ưu đãi, cơ chế đặc thù của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng khi triển khai nhiệm vụ tại các công trình quan trọng, công trình trọng điểm quốc gia, công trình đặc thù.

Điều 17. Hoạt động khoa học và công nghệ

1. Theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động được giao, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia tự xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và biện pháp tổ chức thực hiện trên cơ sở định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước và của ngành Xây dựng, nhu cầu xã hội, nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Căn cứ vào danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Xây dựng và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp công bố hàng năm, Viện tự quyết định đăng ký, tham gia tuyển chọn, đấu thầu, nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Viện quyết định biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp giao hoặc đặt hàng, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

4. Trong hoạt động khoa học và công nghệ, Viện được quyền:

4.1. Hợp tác thực hiện và ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Viện;

4.2. Quyết định mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử cán bộ, viên chức của Viện ra nước ngoài công tác (trừ các chức danh lãnh đạo Viện do Bộ trưởng quyết định);

4.3. Quyết định việc đầu tư phát triển từ vốn vay, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Viện sau khi được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt (riêng việc đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước phải do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định);

4.4. Được hưởng mọi ưu đãi về hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hoạt động tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được thực hiện các hoạt động tư vấn và dịch vụ kỹ thuật các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được

giao theo các mô hình độc lập hoặc liên doanh liên kết, thuê chuyên gia và các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Tham gia đấu thầu thực hiện các dịch vụ trong hoạt động tư vấn và dịch vụ kỹ thuật các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hoạt động đào tạo

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được tổ chức hoạt động đào tạo, gồm:

1.1. Tổ chức đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ chuyên ngành quy hoạch;

1.2. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, tư vấn về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc.

2. Mọi hoạt động về đào tạo của Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành liên quan.

Điều 20. Hoạt động tổ chức sự kiện và giải thưởng quy hoạch, kiến trúc

1. Viện được tổ chức sự kiện quy hoạch xây dựng, kiến trúc, bao gồm:

1.1. Tổng kết lý luận và thực tiễn, tổ chức diễn đàn: Trao đổi; lý luận và phê bình; thông tin; tập huấn, hướng dẫn, phổ biến về các hoạt động chuyên ngành trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, xây dựng và hạ tầng kỹ thuật;

1.2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong nước và quốc tế tổ chức các sự kiện quy hoạch, kiến trúc hàng năm.

2. Giải thưởng quy hoạch, kiến trúc:

2.1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các giải thưởng về lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc sau khi có đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt;

2.2. Hoạt động tổ chức giải thưởng quy hoạch, kiến trúc phải tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 21. Công tác tài chính, kế toán

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia thực hiện chế độ tài chính theo các quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ có thu; chấp hành nghiêm chỉnh Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện cũng như các quy định của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng về công tác tài chính, kế toán.

2. Nguồn tài chính

2.1. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, gồm:

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên được cơ quan quản lý cấp trên giao trực tiếp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, môi trường và nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế (thông qua các chương trình, đề tài, dự án...).

c) Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức của Viện.

d) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

e) Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định (nếu có).

g) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang, thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm.

h) Vốn đối ứng thực hiện dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

i) Kinh phí khác (nếu có).

2.2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, gồm:

a) Thu từ hoạt động dịch vụ.

b) Thu khác (nếu có).

2.3. Nguồn viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, cho (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.4. Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Nội dung chi

3.1. Chi thường xuyên, gồm:

a) Chi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Chi hoạt động phục vụ cho thực hiện công việc.

3.2. Chi không thường xuyên:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường và nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế.

b) Chi thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức.

c) Chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định (nếu có).

e) Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài.

h) Chi thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực nghiên cứu của Viện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

i) Chi thực hiện các dự án từ nguồn viện trợ ngoài nước.

k) Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả các khoản chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định, chi trả vốn, trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật).

l) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Viện thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất khi cần thiết Viện trưởng có trách nhiệm gửi cho cơ quan chủ quản (hoặc đại diện cơ quan chủ quản) các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chủ quản (hoặc đại diện của cơ quan chủ quản).

5. Viện trưởng, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về công tác kế toán, tài chính của Viện và các đơn vị trực thuộc Viện.

6. Căn cứ chế độ tài chính hiện hành, Viện trưởng có trách nhiệm xây dựng Quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở cho việc quản lý, điều hành các hoạt động của Viện.

Điều 22. Trích lập và sử dụng các quỹ

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định, trong phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: tối thiểu là 30% tổng số chênh lệch thu lớn hơn chi. Đơn vị có quyền quyết định sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư liên doanh, liên kết, trợ giúp hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho đơn vị.

2. Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập được trích theo khả năng tài chính của Viện và được chi để bù đắp thu nhập cho cán bộ viên chức trong các trường hợp: khi nguồn thu của đơn vị bị giảm sút, khi Nhà nước thay đổi chính sách tiền lương, hỗ trợ chế độ thôi việc hoặc tìm việc mới cho người lao động dôi dư.

3. Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: Tối đa không quá 3 tháng tiền lương và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm cho cả hai quỹ. Quỹ khen thưởng sẽ được sử dụng để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể và cá nhân trong và ngoài đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp cho hoạt động của đơn vị; Quỹ phúc lợi dùng để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc

lợi, chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể, trợ cấp khó khăn đột xuất, chi thêm cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ mất sức, nghỉ do chấm dứt hợp đồng.

Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia căn cứ vào các quy định tại Điều này và khả năng tài chính của Viện để quyết định mức cụ thể trích lập và sử dụng các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

Điều 23. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản, diện tích đất, trụ sở làm việc được giao phải theo phân cấp quản lý của Bộ Xây dựng và theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tài sản thuộc quyền quản lý của Viện phải được quản lý cả về số lượng, chất lượng, giá trị, hiện trạng và tình trạng tăng, giảm.

3. Việc đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, nhượng bán, thanh lý tài sản cố định của Viện thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ Xây dựng.

4. Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Xây dựng và trước pháp luật về quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản của Viện đúng mục đích chế độ tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

Chương VI CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 24. Quan hệ công tác với Bộ Xây dựng

1. Viện chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, thực hiện chế độ báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) thường xuyên hoặc đột xuất với Bộ trưởng và lãnh đạo Bộ về tình hình tổ chức và hoạt động của Viện.

2. Viện có mối quan hệ phối hợp và chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ với các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Viện.

3. Viện phải chấp hành các chỉ thị, quyết định, thông báo, chỉ đạo có liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Viện do Bộ trưởng hoặc lãnh đạo Bộ ban hành theo quy định của Đảng và pháp luật;

4. Các văn bản của Viện báo cáo Bộ Xây dựng phải do Viện trưởng ký hoặc ủy quyền, phân cấp cho các Phó Viện trưởng ký. Viện trưởng quy định cụ thể danh mục các văn bản để phân cấp, ủy quyền cho các Phó Viện trưởng ký.

Điều 25. Quan hệ công tác đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân ngoài Viện

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, có mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài để thực

hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Các đơn vị, cá nhân trực thuộc Viện khi được phân công, giao nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị ngoài Viện phải thực hiện theo sự chỉ đạo thống nhất của Viện trưởng và phải báo cáo kết quả công tác với lãnh đạo Viện.

3. Viện được tổ chức:

3.1. Thực hiện trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu, đào tạo, hợp tác với các tổ chức quốc tế thông qua hội thảo, tập huấn, tham quan học tập ngắn hạn, dài hạn, biên soạn các tài liệu, tiếp nhận tài chính hỗ trợ cho các hoạt động của Viện theo quy định của pháp luật.

3.2. Trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao khoa học công nghệ thông qua các dự án trợ giúp kỹ thuật, các dự án, đề tài hợp tác nghiên cứu có nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức quốc tế.

Điều 26. Quan hệ công tác trong nội bộ Viện

1. Trách nhiệm và mối quan hệ làm việc trong lãnh đạo Viện và giữa lãnh đạo Viện với cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy định phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ của Viện. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm thực hiện, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện với Lãnh đạo Viện.

2. Lễ lối làm việc, mối quan hệ giữa lãnh đạo Viện, cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc Viện với viên chức, lao động hợp đồng trong đơn vị thực hiện theo quy chế dân chủ, nội quy, quy chế của Viện và các quy định có liên quan của Nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể.

3. Các đơn vị trực thuộc Viện hoạt động theo định hướng, chiến lược phát triển chung của Viện và kế hoạch cụ thể được Viện trưởng giao; giữa các đơn vị có mối quan hệ phối hợp công tác trong các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Viện được quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy chế này.

4. Viện trưởng có trách nhiệm đảm bảo sự phối hợp công tác giữa các đơn vị trong Viện; phối hợp với Công đoàn Viện thực hiện quy chế dân chủ; phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, đoàn thể trong Viện tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

Điều 27. Quan hệ giữa Lãnh đạo Viện với các tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị xã hội

1. Tổ chức Đảng trong Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Bộ Xây dựng.

2. Các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia hoạt động dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của các tổ chức cấp trên trực thuộc Bộ Xây dựng.

3. Lãnh đạo Viện có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội hoạt động theo tôn chỉ, mục đích, chức năng nhiệm vụ, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật.

Chương VII

LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 28. Việc lưu trữ và tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Viện

1. Việc lưu trữ và tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Viện phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Viện phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

2.1. Quyết định thành lập; Quy chế tổ chức và hoạt động; các văn bản sửa đổi bổ sung quy chế và các quy chế quản lý khác của Viện.

2.2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học công nghệ, đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghệ, trí tuệ và các giấy phép và giấy chứng nhận khác.

2.3. Tài liệu giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất hoặc giao đất của Viện.

2.4. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính định kỳ.

2.5. Các kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

2.6. Các hợp đồng kinh tế đã được ký kết, các dự án đã được phê duyệt, các quyết định đã được thông qua.

2.7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và của Viện.

3. Viện phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này tại trụ sở chính; thời gian lưu giữ theo quy định của pháp luật.

4. Viện trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện lưu giữ, quản lý và bảo mật hồ sơ tài liệu của Viện.

5. Viện trưởng có trách nhiệm báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu đối với cơ quan chủ quản (hoặc đại diện cơ quan chủ quản) để thực hiện quyền của cơ quan chủ quản được quy định tại quy chế này khi có yêu cầu.

6. Viện trưởng có quyền yêu cầu các Phó viện trưởng, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Viện cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện trưởng.

7. Cán bộ, viên chức, người lao động trong Viện có quyền tìm hiểu thông tin về Viện thông qua hội nghị công nhân viên chức và Ban thanh tra nhân dân.

Điều 29. Công khai thông tin

1. Việc công khai thông tin của Viện phải tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Viện trưởng chịu trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức hoạt động của Viện và các hoạt động của Viện về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về thực hiện các quy định này; bộ phận lưu giữ hồ

sơ, tài liệu của Viện chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Viện trưởng hoặc người được Viện trưởng ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Viện trưởng là người chịu trách nhiệm cung cấp thông tin theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VIII

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Thanh tra và kiểm tra

1. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia tổ chức việc thực hiện kiểm tra, thanh tra các đơn vị trực thuộc Viện theo quy định của Bộ Xây dựng và quy định pháp luật hiện hành.

2. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Xây dựng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Khen thưởng

Công tác thi đua khen thưởng của Viện thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Quy chế Thi đua - Khen thưởng ngành Xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

Điều 32. Xử lý vi phạm:

1. Cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Viện và các đơn vị trực thuộc Viện vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền xử lý các cá nhân, tập thể vi phạm nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành:

1. Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia có trách nhiệm phổ biến, tổ chức, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, cán bộ, viên chức và người lao động trong Viện thực hiện Quy chế này; định kỳ báo cáo Bộ trưởng về tình hình hoạt động của Viện, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

2. Trên cơ sở Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia có trách nhiệm xây dựng, ban hành các nội quy, quy chế nội bộ, quy định cụ thể đối với từng lĩnh vực, đơn vị để quản lý Viện hoạt động có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có nội dung cần bổ sung, sửa đổi thì Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG

Trịnh Đình Dũng

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 996/QĐ-BXD
ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Văn phòng;
2. Phòng Tổ chức cán bộ;
3. Phòng Tài chính – Kế toán;
4. Phòng Kế hoạch – Thị trường;
5. Phòng Quản lý khoa học kỹ thuật;
6. Phòng Nghiên cứu chiến lược và chính sách phát triển đô thị;
7. Phòng Quản lý dữ liệu D-GIS;
8. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế;
9. Trung tâm Quy hoạch xây dựng 1;
10. Trung tâm Quy hoạch xây dựng 2;
11. Trung tâm Quy hoạch xây dựng 3;
12. Trung tâm Quy hoạch xây dựng 4;
13. Trung tâm Kiến trúc, Quy hoạch Hà Nội;
14. Trung tâm Tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng;
15. Trung tâm Quản lý kỹ thuật và kiểm định xây dựng;
16. Trung tâm Chuyển giao công nghệ quy hoạch xây dựng;
17. Trung tâm Khảo sát, Quy hoạch xây dựng;
18. Trung tâm Thiết kế kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị;
19. Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn miền Trung;
20. Phân viện Quy hoạch đô thị và nông thôn miền Nam;
21. Viện Quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn;
22. Viện Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn;
23. Viện Nghiên cứu Thiết kế đô thị;
24. Cung Triển lãm Kiến trúc, Quy hoạch xây dựng quốc gia;
25. Tạp chí Quy hoạch Xây dựng.